

Bản án số: 286/2021/HS-PT  
Ngày: 12/05/2021

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Phan Thanh Tùng

*Các Thẩm phán:*

ông Trần Văn Mười  
bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- **Thư ký phiên tòa:** ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh  
tham gia phiên tòa: ông Đặng Quốc Việt, Kiểm sát viên.*

Ngày 12 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 612/2020/TLPT-HS ngày 26 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Phùng Thiên T;

Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án Hình sự sơ thẩm số 86/2020/HS-ST ngày 16/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Bị cáo bị kháng nghị:

Họ và tên: Phùng Thiên T, sinh năm 1976 tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: 336 Hưng Lộc, phường Hưng Đ, thành phố Th A, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Hoa; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật giáo;

Tiền án, tiền sự: không; Họ tên cha: Phùng S, sinh năm 1952; họ tên mẹ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1952; họ tên vợ: Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1977; có 03 người con (người con lớn nhất sinh năm 2000, người con nhỏ nhất sinh năm 2007);

Bị cáo bị tam giam từ ngày 05/5/2019 cho đến nay (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo Phùng Thiên T: Luật sư Trịnh Duy Th, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Phùng Thiên T làm Giám đốc công ty TNHH Thiên Phúc (địa chỉ: 3/135, khu phố Bình Thuận 1, phường Thuận Gi, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương), kinh doanh về môi giới bất động sản.

Do làm ăn thua lỗ, cần tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ tháng 05/2016 đến tháng 04/2019, Phùng Thiên T đã dùng thuê người làm giả giấy tờ chứng nhận về tài sản, để sau đó thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của nhiều người bị hại trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

### **Vụ thứ nhất:**

-Vào khoảng tháng 05/2016, bà Trương Thị H cần mua đất, diện tích khoảng 1000 m<sup>2</sup> tại khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Gi, thị xã (nay là thành phố) Th A, tỉnh Bình Dương nên đã liên hệ với Phùng Thiên T để tìm giúp. Vì muốn chiếm đoạt tiền của bà H và ông D, nên vào ngày 14/5/2016, Tr đưa ra thông tin không có thật về thửa đất có diện tích 377 m<sup>2</sup> tại khu phố Hòa Lân 1, phường Thuận Gi, thị xã (nay là thành phố) Th A, tỉnh Bình Dương và nói với ông D và bà H rằng, chủ đất đang cần bán với giá 6.000.000 đồng/m<sup>2</sup>; Tr yêu cầu bà H và ông D đưa 200.000.000 đồng để đặt cọc cho chủ đất.

Đến ngày 12/09/2017, Tr gặp bà H và ông D, nói rằng thủ tục hồ sơ đã xong và yêu cầu đưa thêm 20.000.000 đồng để cho người đứng ra làm thủ tục. Bà H và ông D đồng ý đưa tiền cho Tr. Khoảng 01 tháng sau, Tr đưa cho bà H và ông D giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do Tr đứng tên, diện tích là 444,8 m<sup>2</sup>, thửa đất số 15190, tờ bản đồ số 6, số vào sổ cấp GCN: CS02505 tọa lạc tại khu phố Hưng Thọ, phường Hưng Đ, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương để làm tin. Ngày 24/09/2018, bà H cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) Th A để xác định nguồn gốc thửa đất. Qua việc xác minh, Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) Th A nhận thấy không có thông tin trong sổ theo dõi, nên đã chuyển nguồn tin đến Công A thị xã (nay là thành phố) Th A để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 375/GĐ - PC09 ngày 16/11/2018, Phòng Kỹ thuật Hình sự-Công A tỉnh Bình Dương kết luận như sau: phôi và hình dấu tròn có nội dung “\* CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM \* TỈNH BÌNH DƯƠNG – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên 01 (một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”, số CH 380077, mang tên Phùng Thiên T”, sinh năm 1976, địa chỉ: số 336, khu phố Hưng Lộc, phường Hưng Đ, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương đề ngày 26/06/2016, là giả, làm bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Kết luận giám định số 95/GĐ-PC09 ngày 17/4/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự-Công A tỉnh Bình Dương kết luận như sau: chữ ký mang tên Phùng Thiên T dưới mục: “Người nhận tiền” và “Ký tên người nhận tiền” trên tài liệu cần giám định so với chữ ký của Phùng Thiên T trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký ra.

**Vụ thứ 2:**

-Vào ngày 26/01/2016, bà Lê Thị L và ông Phạm Văn S cho ông Nguyễn Trường A thuê xe ô-tô hiệu KIA RONDO biển số 61A – 251.38 (do bà L làm chủ sở hữu) với thời hạn 04 năm.

Vào ngày 26/01/2018, ông A cho Tr thuê xe ô-tô nói trên với thời hạn 12 tháng. Đến tháng 08/2018, Tr đặt trên mạng Internet để làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô KIA RONDO biển số 61A – 251.38 mang tên Phùng Thiên T và cầm giấy tờ trên, cùng xe ô-tô, thế chấp cho ông Trần Mỹ Th để vay số tiền 460.000.000 đồng rồi chiếm đoạt. Ngày 07/11/2019, ông Nguyễn Trường A làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An tỉnh Bình Dương.

Kết luận giám định số 44/GĐ-PC09 ngày 19/02/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công An tỉnh Bình Dương, kết luận như sau: phôi và hình dấu tròn có nội dung “\* C.H.X.H.C.N VIỆT NAM \* TỈNH BÌNH DƯƠNG” trên 01 (một) “Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô”, số 022082, tên chủ xe “Phùng Thiên T”, sinh năm 1976, địa chỉ: 80E/2 Thanh Lợi, An Thạnh, Th A, Bình Dương, đề ngày 14/12/2015 là giả, làm bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Đối với xe ô tô hiệu KIA RONDO biển số 61A – 251.38 ông Trần Mỹ Th hiện đã giao nộp và trả lại cho bà Lê Thị L.

**Vụ thứ ba:**

-Vào tháng 12/2018, Trịnh Văn Ngọc nhờ Tr tìm giúp thửa đất để xây nhà ở.

Nghe như vậy, Tr nói rằng Tr đang đứng tên sở hữu thửa đất 1000 m<sup>2</sup> ở Nhơn T, tỉnh Đồng Nai và muốn bán với giá 600.000.000 đồng. Do tin tưởng nên Ngọc đồng ý mua thửa đất trên và đặt cọc cho Tr 200.000.000 đồng. Để tạo lòng tin, Tr tự nghĩ ra thông tin không có thật về thửa đất có số 09, diện tích 1000 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại huyện Nhơn T, Long Th, tỉnh Đồng Nai, có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 23, số vào sổ cấp GCN số 0236 rồi dẫn ông N đi xem. Đến ngày 09/09/2019, vì không liên hệ được với Tr, nên ông N làm đơn tố cáo.

Kết luận giám định số 214/GĐ-PC09 ngày 01/6/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự-Công An tỉnh Bình Dương, kết luận như sau: chữ ký và chữ viết họ tên “Phùng Thiên T” dưới mục: “Bên A” trên (một) “Hợp đồng đặt cọc (V/v hứa chuyển nhượng, hứa nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất)”, không đề ngày, tháng, năm so với chữ ký và chữ viết họ tên của Phùng Thiên T trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký ra.

**Vụ thứ tư:**

-Vào ngày 01/02/2019, Tr hỏi mượn bà Nguyễn Thị Phương T số tiền 500.000.000 đồng và sẽ thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đã quen biết từ trước nên bà T không cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tr. Sau đó, Tr nói với bà T mượn thêm 500.000.000 đồng để tiền trả công nhân nhưng bà T không đồng ý.

Từ trước sự việc nói trên, Tr lấy thông tin trên mạng internet về nội dung thửa đất số BP348978, diện tích 260 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thị xã (nay là thành phố) Th A, tỉnh Bình Dương do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Th A cấp ngày 16/09/2013 rồi cung cấp thông tin cho một người không rõ nhân thân, lai lịch, để làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phùng Thiên T; Tr thỏa thuận bán thửa đất này cho bà T với giá 8.000.000.000 đồng; bà T đồng ý mua và đặt cọc trước 1.500.000.000 đồng. Vào cùng ngày, bà T nhờ em ruột của mình tên là Nguyễn Thị Xuân Trang, đứng ra ký kết hợp đồng đặt cọc, chuyển nhượng bất động sản và sau đó chuyển tiền đặt cọc cho Tr; Tr giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T giữ. Sau đó, bà Trang đến Agribank-chi nhánh Th A, chuyển số tiền 1.500.000.000 đồng cho Tr qua số tài khoản 050082165301, chi nhánh ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Ngày 07/02/2019, bà T đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai thị xã (nay là thành phố) Th A để xác minh thì được biết rằng không có thông tin về thửa đất này.

Đến ngày 23/03/2019, Tr trả cho bà T 1.200.000.000 đồng, còn lại 300.000.000 đồng thì chưa trả. Vì vậy, vào ngày 01/5/2019, bà T làm đơn tố cáo hành vi lừa đảo của Tr.

#### **Vụ thứ năm:**

-Vào đầu năm 2019, Tr lấy thông tin trên mạng internet về phần đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 698478, thửa số 1816, tờ bản đồ số 259, diện tích 300 m<sup>2</sup> tọa lạc tại KDC Việt Sing, phường An P, thị xã (nay là thành phố) Th A, tỉnh Bình Dương. Tr nhờ một người không rõ nhân thân, lai lịch, làm giả một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phùng Thiên T do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 21/07/2018.

Do biết bà Cao Thị Hồng Đ (sinh năm 1984, nơi cư trú: 1C/25, khu phố Bình Quới A, phường Bình Chuẩn, thị xã Th A, tỉnh Bình Dương) cần mua đất nên Tr đã thỏa thuận chuyển nhượng phần đất nêu trên cho bà Đ với giá 1.000.000.000 đồng. Đến ngày 10/04/2019, Tr đưa cho bà Đ giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (mà Tr đã đặt làm trước đó) và hai bên lập giấy biên nhận đặt cọc về việc chuyển nhượng thửa đất với số tiền cọc là 862.500.000 đồng, hẹn vào ngày 25/04/2019 hai bên sẽ ra Văn phòng Công chứng để ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Vào ngày 07/05/2019, bà Đ xác minh, biết rằng không có thông tin về thửa đất nêu trên, đã làm đơn tố cáo Tr lừa đảo chiếm đoạt tài sản .

Kết luận giám định số 157/GĐ-PC09 ngày 21/5/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự-Công A tỉnh Bình Dương kết luận như sau:

-Phôi và hình dấu tròn có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN T. BÌNH DƯƠNG” và \*CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM \* TỈNH BÌNH DƯƠNG – SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liền với đất”, số BP 348978, CM 698478, cùng mang tên “Phùng Thiên T”, sinh năm: 1976, CMND, địa chỉ: số 336, khu phố Hưng Lộc, phường Hưng Đ, thị xã Th A, Bình Dương, đề ngày 16/9/2013, 21/7/2018 là giả, làm bằng phương pháp in phun màu điện tử.

-Chữ ký, chữ viết họ tên “Phùng Thiên T” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết họ tên của Phùng Thiên T trên 01 (một) “Biên bản V/v thu mẫu chữ ký, đề ngày 13/5/2019 do cùng một người ký và viết ra.

Kết luận giám định số 248/GĐ - PC09 ngày 23/7/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công A tỉnh Bình Dương, kết luận như sau: chữ ký, chữ viết mang họ tên Phùng Thiên T trên các tài liệu cần giám định, so với chữ ký, chữ viết của Phùng Thiên T trên các tài liệu mẫu, là do cùng một người ký và viết ra.

Những người bị hại, gồm có: bà Trương Thị H, ông Trần Văn D, bà Cao Thị Hồng Đ, bà Nguyễn Thị Phương T, ông Trịnh Văn Ngọc, ông Trần Mỹ Th, yêu cầu Phùng Thiên T trả lại số tiền đã chiếm đoạt.

Vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô hiệu CERATO biển số 61A-477.39, số máy G4NAGH539752, số khung RNYYE42A6GC081001; 01 xe mô tô hiệu SH125I biển số: 61C1-896.35, số máy JF73E0126298, số khung: RLHJF7301GY126225 do Phùng Thiên T làm chủ sở hữu.

Tại cáo trạng số 21/CT-VKSBD-P1 ngày 16/6/2020, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phùng Thiên T về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo Điểm a Khoản 4 Điều 174 và Điểm b Khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

*Tại bản án Hình sự sơ thẩm số 86/2020/HS-ST ngày 16/09/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định như sau:*

Tuyên bố bị cáo Phùng Thiên T phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 341; Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

-Xử phạt bị cáo Phùng Thiên T 03 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 16 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/05/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Vào ngày 15/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 57/QĐ/VC3-V1 kháng nghị bản án Sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm xét xử bị cáo Phùng Thiên T về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo Điểm b Khoản 3 Điều 341 của Bộ

luật Hình sự năm 2015; áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự theo Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và tăng hình phạt đối với bị cáo Phùng Thiên T về tội này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên ý kiến đã nêu ra tại kháng nghị số 57/QĐ/VC3-V1 ngày 15/10/2020, cụ thể như sau:

-Vi bị cáo không cung cấp được thông tin về những người đã làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy đăng ký xe ô-tô và cơ quan công A cũng không xác định được nhân thân, lai lịch của những người đó, nên không có căn cứ để xử phạt bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tuy nhiên, những hành vi đó của bị cáo hội đủ căn cứ để xử phạt về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo Điểm b Khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngoài ra, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần và phạm nhiều tội, cần phải áp dụng thêm Điểm g Khoản 1 Điều 52 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Với những ý kiến nói trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm xét xử như sau:

-Áp dụng Điểm b Khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo Phùng Thiên T về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; tăng hình phạt đối với bị cáo Phùng Thiên T;

-Khi quyết định hình phạt, áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và áp dụng thêm Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về việc quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phùng Thiên T trình bày ý kiến như sau:

-Trước khi bị cáo làm giả giấy tờ chứng nhận về quyền tài sản và sử dụng những giấy tờ này đưa cho người bị hại, thì bị cáo đã thực hiện xong hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của họ. Như vậy, bị cáo Phùng Thiên T không phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và cũng không phạm tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Vì vậy, Luật sư yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm cả hai tội vừa nêu ra.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên những ý kiến nói trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Trong khoảng thời gian từ tháng 05/2016 đến 04/2019, vì cần có tiền để sử dụng cho bản thân, bị cáo Phùng Thiên T thuê người làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy đăng ký ô-tô mang tên của bị cáo, rồi sau đó dùng các giấy tờ này, lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của nhiều người, cụ thể như sau:

- Chiếm đoạt của bà Trương Thị H và ông Trần Văn D: 220.000.000 đồng;
- Chiếm đoạt của bà Cao Thị Hồng Đ: 862.500.000 đồng;
- Chiếm đoạt của ông Trịnh Văn Ngọc: 200.000.000 đồng;
- Chiếm đoạt của ông Trần Mỹ Th: 460.000.000 đồng;
- Chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Phương T: 300.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền mà bị cáo chiếm đoạt là 2.042.500.000 đồng.

Với những hành vi phạm tội nói trên, Tòa án cấp Sơ thẩm xử phạt bị cáo Phùng Thiên T 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo Điểm a Khoản 4 Điều 174 và xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo Điểm c Khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015; tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 16 năm tù.

Sau khi xét xử Sơ thẩm, bị cáo Phùng Thiên T không kháng cáo bản án Sơ thẩm.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án Sơ thẩm về ba nội dung: (1) Về tội danh; (2) Về áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo khi xét xử bị cáo về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” (3) Áp dụng thêm Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về nội dung thứ nhất:

Để thực hiện hành vi lừa đảo, bị cáo Phùng Thiên T đã cung cấp thông tin về nhân thân của mình cho một người nào đó (chưa xác định được nhân thân), để làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy đăng ký ô-tô mang tên của bị cáo, rồi bị cáo dùng những giấy tờ này, thực hiện việc lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của người bị hại.

Trong trường hợp bị cáo dùng những giấy tờ giả đã có sẵn, mang tên một người nào khác, không phải mang tên bị cáo, để lừa đảo, thì khi đó mới có căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Trường hợp cụ thể của vụ án này, bị cáo đã chủ động cung cấp thông tin về nhân thân của mình, nhờ một người khác làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy đăng ký ô-tô mang tên bị cáo, rồi sau đó, sử dụng những giấy tờ

này để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Như vậy, trong chuỗi hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy đăng ký ô-tô này, bị cáo đã trực tiếp tham gia vào quá trình đó (bằng việc cung cấp thông tin nhân thân của mình; trong các tài liệu đó, bị cáo đứng tên là chủ sử dụng đất, chủ sở hữu ô-tô), nên phải xử phạt bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, không có căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo Phùng Thiên T về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” như bản kháng nghị đã nêu ra;

Về nội dung thứ hai:

Bị cáo đã làm giả nhiều hơn 02 lần, tài liệu của cơ quan, tổ chức, nên phải áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự theo Điểm g Khoản 1 Điều 52 (về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”). Nhưng về bản chất, việc làm giả tài liệu chỉ là phương cách để bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo, đã bị Tòa án cấp Sơ thẩm xử phạt đúng pháp luật và đã áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự; hình phạt đã áp dụng là tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Vì vậy, Tòa án cấp Phúc thẩm sẽ áp dụng thêm Điểm g Khoản 1 Điều 52 khi xử phạt bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, nhưng không tăng hình phạt đối với bị cáo.

Về nội dung thứ ba:

Tòa án cấp Sơ thẩm xử phạt bị cáo Phùng Thiên T cùng một lần về hai tội. Vì vậy, cần phải viện dẫn thêm Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Điều 330; Điều 345; Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;*

1/Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu xét xử bị cáo Phùng Thiên T về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo Điểm b Khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Phùng Thiên T về tội này.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; sửa bản án Sơ thẩm số 86/2020/HS-ST ngày 16/09/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về phần Hình sự (áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm Hình sự theo Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phùng Thiên T khi xử phạt về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và áp dụng thêm Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt của bị cáo Phùng Thiên T), như sau:

Tuyên bố bị cáo Phùng Thiên T phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.



Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 341; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Phùng Thiên T 03 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điểm a Khoản 4 Điều 174; Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Xử phạt bị cáo Phùng Thiên T 13 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

-Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai tội nói trên, là 16 (mười sáu) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 05/05/2019.

Tiếp tục giam bị cáo để bảo đảm việc thi hành án.

2/Về án phí Phúc thẩm: bị cáo không phải chịu.

3/Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Công A tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VT, TVN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thanh Tùng**